

Số: 934/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 27 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 882/2024/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị Mỹ H**, sinh năm 2000

Địa chỉ: Số 6A Trần Lư, phường AT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H

Địa chỉ liên hệ: Tổ dân phố E, thị trấn K, huyện N, tỉnh Thừa Thiên H

Bị đơn: Anh **Nguyễn T**, sinh năm 1997

Địa chỉ: Số 6A Trần Lư, phường AT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, Điều 58, Điều 110 và 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Mỹ H và anh Nguyễn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tình cảm: Chị Đặng Thị Mỹ H và anh Nguyễn Tuấn thuận T1 ly hôn nhau.

2.2. Về con chung: Chị H và anh T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 12/10/2020. Hiện cháu Anh T đang ở với chị H. Nay ly hôn, theo thỏa thuận hai bên là giao cháu Nguyễn Anh T cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Anh T trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3.Về tài sản chung: Chị Đặng Thị Mỹ H và anh Nguyễn T xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4.Về nợ chung: Chị Đặng Thị Mỹ H và anh Nguyễn T xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. 5.Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đặng Thị Mỹ H và anh Nguyễn T mỗi bên phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nay chị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình của cả 02 người là 150.000 đồng. Chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo Biên lai thu số 0004830 ngày 07/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế nên nay khấu trừ phần án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được hoàn lại 150.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-Đương sự;

-Viện kiểm sát nhân dân thành phố H;

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H;

- Ủy ban nhân dân xã HL, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên H

(-số đăng ký kết hôn số 11, ngày 03/7/2020); Tổ Hành chính –Tư pháp;

- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

LÊ THỊ TÚ LOAN